

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/KDTM-PT

Ngày: 01/12/2020

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng  
bảo hiểm; Hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Phước Hưng

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Ông Đào Chí Keo

**- THU ký phiên tòa** : Bà Huỳnh Ngọc Loan, THU ký Tòa  
án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Ông Vũ Hồng Thanh,  
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24/11 và 01/12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh THƯƠNG mại thụ lý số 09/2020/TLPT-KDTM ngày 03/8/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm; Hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án số 06/2020/KDTM-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐ-PT ngày 18/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐ-PT ngày 10/9/2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2020/QĐST-DS ngày 07/10/2020, Thông báo mở lại phiên tòa phúc thẩm số 03/TB-TA ngày 27/10/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐ.PT ngày 06/11/2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H.

Địa chỉ: ấp H 2, xã H3, huyện T, tỉnh An Giang.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* bà Bùi Trần Phú Thư, sinh năm 1976; cư trú: đường A, ấp L, thị trấn M, huyện T2, tỉnh An Giang. (Văn bản ủy

quyền số công chứng 444, Quyết số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/6/2020 của Văn phòng công chứng H1), (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* ông Nguyễn Thành T3 – Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên T4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

## 2. Bị đơn:

2.1 Tổng Công ty cổ phần M1; trụ sở: đường Đ, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp:*

Ông Phan Minh A, sinh năm 1987; địa chỉ: đường H2, phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Ông Nguyễn Đức H3, sinh năm 1989; địa chỉ liên lạc: đường Đ, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1979; cư trú: ấp T5, xã C, huyện B, tỉnh Tiền Giang; địa chỉ liên lạc: Bùi Tư T6, phường L, quận T7, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Ông Nguyễn Cao C1, sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: thị trấn S, huyện S1, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: đường Nguyễn Văn C2, phường L1, thành phố L2, tỉnh An Giang. (có mặt)

(Văn bản ủy quyền số 1198/2020 – BM/VP ngày 01/06/2020 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần M1)

2.2 Tổng Công ty bảo hiểm V; trụ sở: đường Trần Hưng Đ, phường N1, quận K, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của V:*

Ông Phạm Hồng N2, sinh năm 1978; cư trú: đường C3, phường P, thành phố L2, tỉnh An Giang. (vắng mặt khi tuyên án)

Ông Vương Việt Đ1 – Chức vụ: Phó Giám đốc Ban Giám định bồi thường tài sản Kỹ thuật; địa chỉ: đường Trần Hưng Đ, phường N1, quận K, Thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Lan P1, sinh năm 1977, chức vụ: Chuyên viên Ban Giám định bồi thường tài sản Kỹ thuật; cư trú: ngách 66, ngõ Đ2, phố M2, quận T8, Thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền số 3302/UQ-BHBV ngày 24/6/2020 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty bảo hiểm V)

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ngân hàng thương mại cổ phần C4; trụ sở: đường Nguyễn Thị Minh K1, phường 5, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của C4:*

Bà Huỳnh N1, sinh năm 1995; cư trú: đường Trần Hưng Đ, phường X, thành phố L2, tỉnh An Giang. (Văn bản ủy quyền số 428UQ-QLN ngày 26/6/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần C4 và Văn bản ủy quyền số 578/UQ-QLN.20 ngày 01/7/2020 của Giám đốc Phòng quản lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần C4), (có mặt)

Bà Võ Thị Lan A, sinh năm 1988; cư trú: số 451, đường Nguyễn Trung T8, phường L3, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. (Văn bản ủy quyền số 428UQ-QLN ngày 26/6/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần C4 và Văn bản ủy quyền số 576/UQ-QLN.20 ngày 01/7/2020 của Giám đốc Phòng quản lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần C4), (có mặt)

3.2 Ông Nguyễn Quang N2, sinh năm 1979; cư trú: ấp H 2, xã H3, huyện T, tỉnh An Giang. (có mặt)

3.3 Bà Phùng Thị Tuyết T9, sinh năm 1982; cư trú: ấp H 2, xã H3, huyện T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.4 Ông Nguyễn Thanh N3, sinh năm 1944; cư trú: ấp A 1, xã H3, huyện T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.5 Bà Nguyễn Thị S1 (S2), sinh năm 1944; cư trú: ấp A 1, xã H3, huyện T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

*Người đại diện hợp pháp của bà T9, ông N3 và bà S1 (S2):* Ông Nguyễn Quang N2, sinh năm 1979; cư trú: ấp H 2, xã H3, huyện T, tỉnh An Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 10/3/2020)

*Người kháng cáo:*

- Tổng Công ty Cổ phần M1 là bị đơn.
- Tổng Công ty Bảo hiểm V là bị đơn.
- Ngân hàng thương mại Cổ phần C4 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H (gọi tắt là Công ty H) trình bày:* do nhu cầu vay vốn kinh doanh nên Công ty H và Ngân hàng THƯƠng mại cổ phần C4 (gọi tắt là C4) có ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số LOX.BĐDN.343.240117 ngày 25/01/2017 (Hợp đồng thế chấp LOX.BĐDN.343.240117) để thế chấp toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai theo Giấy phép xây dựng số 1515/GPXD-BQLKKT do Ban quản lý khu kinh tế tỉnh An Giang cấp ngày 29/12/2016, gồm: nhà xưởng diện tích xây dựng 3.060m<sup>2</sup> (nhà xưởng 3.060m<sup>2</sup>); nhà làm việc diện tích xây dựng 289,9m<sup>2</sup> (nhà làm việc 289,9m<sup>2</sup>); nhà xe 2 diện tích xây dựng 287m<sup>2</sup>; kho chứa vải vụn diện tích xây dựng 350m<sup>2</sup>; nhà đặt máy phát điện diện tích xây dựng 34,44m<sup>2</sup>; nhà vệ sinh (02 cái) diện tích xây dựng 28m<sup>2</sup>; bể nước phòng cháy chữa cháy diện tích xây dựng 90m<sup>2</sup>; bể nước sinh hoạt diện tích xây dựng 6m<sup>2</sup> và cổng, hàng rào tổng chiều dài 405,81m<sup>2</sup>. Vị trí xây dựng tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 28 có diện tích 10.007,8m<sup>2</sup> nằm trong khu Công nghiệp Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Cùng ngày 25/01/2017, C4 và Công ty H đã ký kết Hợp đồng tổng mức cấp tín dụng số LOX.DN.698.240117, Hợp đồng cấp tín dụng số LOX.DN.730.240117, Khế ước nhận nợ số 231358889 và vợ chồng anh Nguyễn Quang N2, chị Phùng Thị Tuyết T9 cùng ký giấy cam kết về việc trả nợ nên C4 giải ngân cho Công ty H vay số tiền 4.000.000.000 đồng.

Ngày 22/3/2017, Công ty H tiếp tục ký kết Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số LOX.BĐDN.265.170317 để thế chấp cho C4 01 xe ô tô con hiệu TOYOTA COROLLA G mang biển kiểm soát 67A-062.28 do Công ty H đứng tên, số khung: RL4BU9HE9H7513253, số máy: 2ZR X608998 có trị giá 797.000.000 đồng và trên cơ sở đó, Công ty H ký kết tiếp Hợp đồng cấp tín dụng số: LOX.DN.1728.170371, Khế ước nhận nợ số 234993119 và anh N2, chị T9, ông Nguyễn Thanh N3, bà Nguyễn Thị S1 (S2) cùng ký Giấy cam kết về việc trả nợ nên C4 giải ngân cho Công ty H vay số tiền 630.000.000 đồng.

Ngày 31/5/2017, Công ty H với C4 tiếp tục ký kết Hợp đồng thế chấp bổ sung để đảm bảo nghĩa vụ vay vốn bổ sung số LOX.BĐDN.343.240117/TCBS-01 và Hợp đồng tổng mức cấp tín dụng số LOX.DN.1224.250517, theo đó C4 đồng ý cho Công ty H được vay bổ sung thêm số tiền là 949.000.000 đồng.

C4 với Công ty H tiếp tục ký kết Hợp đồng tổng mức cấp tín dụng số LOX.DN.1224.250517, Hợp đồng cấp tín dụng số LOX.DN.1233.250517, Phụ lục Hợp đồng số LOX.DN.1233.250517/PL-01, Khế ước nhận nợ số 239206819 và anh Nguyễn Quang N2, chị Phùng Thị Tuyết T9 cùng ký Giấy cam kết về việc trả

nợ cùng ngày 01/6/2017 nên C4 giải ngân tiếp cho Công ty H vay thêm số tiền là 1.000.000.000 đồng.

Đến ngày 21/7/2017, ABC tiếp tục ký kết với Công ty H Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số LOX.BĐDN.343.240117/TCBS-02; Hợp đồng tổng mức cấp tín dụng số LOX.DN.261.190717; Hợp đồng cấp tín dụng số LOX.DN.457.190717; Phụ lục hợp đồng cùng số LOX.DN.457.190717/PL-01 và anh N2, chị T9 tiếp tục cùng ký Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 21/7/2017 nên C4 tiếp tục giải ngân cho Công ty H vay theo Khế ước nhận nợ số 242437649 ngày 21/7/2017 số tiền là 2.000.000.000 đồng và theo Khế ước nhận nợ số 242792219 ngày 27/7/2017 số tiền là 1.650.000.000 đồng.

Để phòng rủi ro về tài sản, Công ty H đã ký kết với Tổng Công ty cổ phần M1 (gọi tắt là M1) Hợp đồng bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt số: PFF/1242402 có hiệu lực từ 16h00 ngày 25/01/2017 đến 16h00 ngày 25/01/2018 (Hợp đồng bảo hiểm số: PFF/1242402) đối với tài sản được bảo hiểm là nhà xưởng 3.060m<sup>2</sup> với số tiền được bảo hiểm 5.700.000.000 đồng, nhà văn phòng diện tích xây dựng 289,9m<sup>2</sup> với số tiền được bảo hiểm 600.000.000 đồng; phí bảo hiểm 01 năm là 20.790.000 đồng và Công ty H đã lập Tờ ủy nhiệm thừa hưởng ngày 25/01/2017 cho C4 thụ hưởng trong trường hợp có tổn thất thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm với số tiền tối đa là 5.650.000.000 đồng.

M1 tiếp tục bán bảo hiểm và ký kết với Công ty H Phụ lục bổ sung số: PFF/1242402/01 của Hợp đồng bảo hiểm số: PFF/1242402 có hiệu lực từ 16 giờ ngày 01/6/2017 đến 16 giờ ngày 25/01/2018 với số tiền bảo hiểm được bồi thường đối với nhà xưởng 3.060m<sup>2</sup> được tăng thêm 800.000.000 đồng và đối với nhà văn phòng 289,9m<sup>2</sup> được tăng thêm 160.000.000 đồng. Công ty H tiếp tục lập Tờ ủy nhiệm thừa hưởng ngày 01/6/2017 cho C4 thụ hưởng trong trường hợp có tổn thất thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm số tiền là 6.599.000.000 đồng.

Ngày 13/7/2017, Công ty H cùng đại diện M1 xác lập Bảng danh mục tài sản đính kèm (bổ sung) số hợp đồng/đơn bảo hiểm: PFF/01332581 ngày 13/7/2017. Căn cứ Bảng danh mục tài sản đính kèm này, ngày 14/7/2017, M1 và Công ty H tiếp tục ký kết Hợp đồng hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt số: PFF/01332581 (Hợp đồng hỏa hoạn số: PFF/01332581) có hiệu lực từ 16h00 ngày 14/7/2017 đến 16h00 ngày 14/7/2018, số tiền bảo hiểm bổ sung tăng lên là 12.076.000.000 đồng. Trong đó: nhà xưởng 3.060m<sup>2</sup> bổ sung thêm là 1.150.000.000 đồng; nhà văn phòng 289,9m<sup>2</sup> bổ sung thêm là 109.700.000 đồng; các hạng mục tài sản khác gồm: nhà ở diện tích 622,04m<sup>2</sup> số tiền được bảo hiểm bổ sung thêm là 933.060.000 đồng; nhà xe 2 diện tích 567m<sup>2</sup> số tiền được bảo hiểm bổ sung thêm là 680.400.000 đồng; đường nội bộ diện tích 2.000m<sup>2</sup> số tiền được

bảo hiểm bổ sung thêm là 1.200.000.000 đồng; tường rào diện tích 105,81m<sup>2</sup> số tiền được bảo hiểm bổ sung thêm là 202.900.000 đồng và máy móc, thiết bị có tổng giá trị là 7.800.000.000 đồng; số tiền được mua bảo hiểm bổ sung thêm là 7.800.000.000 đồng. Công ty H đã thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm bổ sung với tổng số tiền là 39.850.000 đồng. Công ty Thanh Huy Nhứt tiếp tục lập Tờ ủy nhiệm thừa hưởng tiền bồi thường bảo hiểm ngày 14/7/2017 cho C4 là người thụ hưởng trong trường hợp có tổn thất thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm đối với toàn bộ số tiền đền bù nhưng không vượt quá số tiền bảo hiểm được quy định trong hợp đồng bảo hiểm.

Ngày 10/10/2017, đại diện Công ty H cùng đại diện M1 tiến hành kiểm tra tất cả hàng hóa có trong kho của Công ty H và thống nhất lập Bảng kê chi tiết tất cả vật liệu, sản phẩm, hàng hóa có trong kho với 35 hạng mục hàng hóa có số lượng cụ thể. Căn cứ Bảng kê này, M1 và Công ty H đã ký kết sửa đổi, bổ sung Hợp đồng hỏa hoạn số: PFF/01332581 có hiệu lực từ ngày 14/10/2017 đến ngày 14/7/2018 với nội dung M1 bảo hiểm thêm cho Công ty H đối với hạng mục hàng hóa trong kho với tổng số tiền được bảo hiểm là 28.428.750.000 đồng, đồng thời điều chỉnh đối với số tiền bồi thường về máy móc thiết bị từ 7.800.000.000 đồng giảm còn 4.600.000.000 đồng và Công ty H đã thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm cho M1.

Bên cạnh việc mua bảo hiểm tại M1, Công ty H còn cùng đại diện Tổng Công ty bảo hiểm V (gọi tắt là V) kiểm kê hàng hóa trong kho và cùng nhau xác lập Bảng danh mục tài sản bảo hiểm có trong kho tại thời điểm ngày 13/10/2017, với 32 loại hàng hóa và số lượng cụ thể của mỗi loại. Trên cơ sở bảng danh mục tài sản bảo hiểm, Công ty H và V đã ký kết hợp đồng bảo hiểm cháy và các rủi ro đặc biệt số 1279762 có hiệu lực từ 00h00 ngày 13/10/2017 đến 23h59 ngày 12/10/2018 (Hợp đồng bảo hiểm số 1279762) với tổng số tiền được bảo hiểm đối với hàng hóa khi bị tổn thất là 27.220.750.000 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm ký kết hợp đồng ngày 13/10/2017, do Công ty H chưa chuẩn bị tiền nên đại diện V là ông Nguyễn Hữu Quốc Trung có thỏa thuận miệng và đồng ý cho nợ phí bảo hiểm trong thời hạn một tháng. Khoảng vài ngày sau đó thì ông Trung tiếp tục liên hệ Công ty H yêu cầu sớm nộp phí bảo hiểm vì cuối tháng phải nộp chuyển tiền về công ty. Theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng bảo hiểm số 1279762 thì Công ty H phải thanh toán phí bảo hiểm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực cũng là ngày ký kết hợp đồng (ngày 13/10/2017). Vì vậy, để Công ty H không phải vi phạm nghĩa vụ nộp phí bảo hiểm trễ nên ngày 19/10/2017 (tức ngày thứ 06 kể từ ngày ký hợp đồng) V có xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0006600 thể hiện đã thu đủ phí bảo hiểm của Công ty H với số tiền là 89.828.475 đồng; đồng thời cấp luôn

Giấy chứng nhận bảo hiểm cho Công ty H cùng ngày 19/10/2017 và yêu cầu Công ty H phải sớm hoàn trả phí bảo hiểm cho V.

Ngày 24/10/2017, V tiếp tục nhắc nhở phải nhanh chóng hoàn trả phí bảo hiểm. Do đó, sau khi được số tài khoản 0071004637004 mở tại Ngân hàng V Chi nhánh Cần Thơ do Công ty V An Giang cung cấp; vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 27/10/2017, tại Phòng giao dịch Châu Thành của Ngân hàng công thương Việt Nam, Công ty H lập ủy nhiệm chi vào số tài khoản nêu trên với số tiền là 89.828.475 đồng (Báo có lúc 15 giờ 32 phút cùng ngày) nên đã hoàn trả đầy đủ phí bảo hiểm cho V.

Đến hồi 22 giờ 27 phút ngày 27/10/2017, bất ngờ xảy ra vụ cháy nổ làm cho nhà xưởng, máy móc thiết bị và hàng hóa trong kho mà Công ty H đã mua bảo hiểm bị thiêu rụi toàn bộ.

Sau khi dập lửa, Công ty H có thông báo cho M1 và V biết nên ngày 28/10/2017, đại diện M1 cùng đại diện Công ty cổ phần điều chỉnh Việt (VietAdjusters JSC) được M1 thuê và đại diện V cùng đại diện Công ty cổ phần tư vấn và điều chỉnh Savvy (Savvy Adjusters JSC) được V thuê cùng với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang có mặt tại hiện trường để điều tra, xem xét vụ cháy.

Ngày 09/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang có Quyết định trưng cầu giám định số 226/QĐ tiến hành trưng cầu Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định và ngày 04/01/2018, Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an có Kết luận giám định số 3869/C54B xác định nguyên nhân cháy do sự cố quá tải điện, không có sự việc phạm tội.

Đồng thời, VietAdjusters JSC cũng ban hành Báo cáo sơ bộ cùng ngày 09/11/2017 có nội dung về thiệt hại như sau: hầu như toàn bộ hàng tồn kho gồm: nguyên vật liệu vãi các loại, hạt nhựa, cao su tổng hợp...; bán thành phẩm: phôi nệm PE; thành phẩm nệm PE, cao su tổng hợp... trong khu vực tổn thất đã bị cháy mất xác/cháy đen, biến dạng. Giá trị tổn thất ước tính: nhà xưởng là 7.650.000.000 đồng, máy móc thiết bị là 2.655.000.000 đồng và hàng tồn kho là 57.670.000.000 đồng. Tổng cộng 67.975.000.000 đồng.

Ngày 22/02/2018, Công ty H có thư yêu cầu bồi thường gửi V và ngày 26/02/2018, Công ty H nhận được Văn bản phúc đáp số 146/2018/BVAG/NV cho rằng Công ty H đã thanh toán phí bảo hiểm quá thời hạn 01 ngày nên Hợp đồng bảo hiểm số 1279762 đã chấm dứt hiệu lực; do đó, V không đồng ý bồi THƯỜNG và sẽ tính toán hoàn trả phí bảo hiểm đã thu lại cho Công ty H; đồng thời yêu cầu Savvy Adjusters JSC ngừng công tác giám định vụ cháy.

Không đồng ý với văn bản phúc đáp của V nên ngày 02/4/2018, Công ty H có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang yêu cầu giải quyết buộc V phải có trách nhiệm bồi thường bảo hiểm với số tiền là 27.220.750.000 đồng theo Hợp đồng bảo hiểm cháy và các rủi ro đặc biệt số 1279762 có hiệu lực từ 00h00 ngày 13/10/2017 đến 23h59 ngày 12/10/2018.

Ngày 23/4/2018, Công ty H tiếp tục có thư yêu cầu bồi thường gửi M1 với yêu cầu bồi thường đối với nhà xưởng, máy móc thiết bị là 5.730.948.789 đồng và đối với hàng tồn kho là 24.700.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại Báo cáo tiếp theo ngày 20/6/2018 của VietAdjusters JSC chỉ dự phòng bồi thường đối với nhà xưởng và máy móc thiết bị tổng cộng là 2.784.950.518 đồng sau khi khấu trừ phế liệu và 10% mức khấu trừ; đồng thời đề xuất với M1 cho Công ty H được tạm ứng số tiền này. Riêng đối với hạng mục hàng tồn kho (hàng hóa trong kho) do bị cháy rụi toàn bộ cùng hệ thống máy tính, sổ sách nên VietAdjusters JSC vẫn còn đang tiến hành công tác giám định đối với những hóa đơn, chứng từ còn sót lại mà Công ty H cung cấp nên chưa đưa ra được mức dự phòng bồi THƯỜNG và đề nghị Công ty H chờ thông báo sau.

Ngày 10/8/2018, Công ty H tiếp tục có Văn bản gửi M1 có nội dung chấp thuận số tiền 2.784.950.518 đồng là số tiền bồi thường chung cuộc và đầy đủ đối với hạng mục nhà xưởng 3.060m<sup>2</sup>, 03 máy trần viên, 01 máy trần nệm và 01 máy nén khí trong vụ tổn thất xảy ra ngày 27/10/2017, đồng thời đề nghị M1 chuyển số tiền này vào tài khoản của người thụ hưởng là C4. Sau đó, ngày 05/9/2018, M1 đã ủy nhiệm chi số tiền nêu trên xong cho C4.

Ngày 16/10/2018, VietAdjusters JSC ban hành Báo cáo cuối cùng xác định tổn thất của Công ty H thuộc phạm vi bảo hiểm và không có điểm loại trừ trách nhiệm của người bảo hiểm nhưng đối với hàng hóa thì VietAdjusters JSC vẫn kết luận không đủ cơ sở tính toán cho hạng mục hàng tồn kho nên cho rằng hạng mục này là 0 đồng; vì vậy M1 đã ngừng việc xem xét bồi thường cho Công ty H.

Sau nhiều lần tiếp tục yêu cầu M1 bồi thường không có kết quả; ngày 14/12/2018, Công ty H gửi đơn khởi kiện M1 đến Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang yêu cầu giải quyết buộc M1 phải có trách nhiệm bồi thường bảo hiểm đối với hạng mục hàng tồn kho với số tiền là 28.268.349.352 đồng theo Hợp đồng hỏa hoạn số: PFF/01332581 và sửa đổi, bổ sung Hợp đồng hỏa hoạn số: PFF/01332581 có hiệu lực đối với tài sản tăng thêm từ ngày 14/10/2017 đến ngày 14/10/2018.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 04/9/2019, Công ty H tiếp tục có đơn bổ sung yêu cầu V và M1 phải thanh toán lãi chậm trả theo luật định đối với số tiền yêu cầu bồi thường bảo hiểm từ ngày 28/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.



Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, Công ty H không đồng ý với kết quả giám định của VietAdjusters JSC, Công ty H với M1 không thống nhất lựa chọn được giám định độc lập nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã chỉ định Công ty cổ phần giám định Đông Dương (người giám định không nằm trong danh sách đề nghị của Công ty H cũng như không nằm trong danh sách đề nghị của M1) đã kết luận và đưa ra được tổng tổn thất của vụ cháy là 26.379.969.411 đồng. Trong đó, nhà xưởng tổn thất số tiền là 2.933.725.068 đồng, máy móc thiết bị tổn thất số tiền là 911.054.711 đồng và hàng tồn kho tổn thất số tiền là 22.735.546.615 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của Công ty H thống nhất với tờ tường trình ngày 09/10/2019 do ông Nguyễn Hữu Quốc Trung và yêu cầu:

- Yêu cầu M1 phải bồi thường tổn thất đối với hạng mục hàng tồn kho theo kết luận tại Báo cáo cuối cùng ngày 25/02/2020 của InS JSC với số tiền sau khi trừ mức miễn THUỜng của Hợp đồng bảo hiểm là 10.244.030.355 đồng [11.382.255.950 đồng – (10% x 11.382.255.950 đồng)] và lãi phát sinh theo Luật định trên số tiền này tính từ ngày 23/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm;

- Rút yêu cầu M1 phải bồi thường số tiền 18.024.318.997 đồng và lãi phát sinh đối với số tiền này;

- Rút yêu cầu M1 phải thanh toán tiền lãi chậm trả từ ngày 28/11/2017 đến ngày 22/4/2018 trên số tiền 10.244.030.355 đồng.

- Yêu cầu V phải bồi thường tổn thất đối với hạng mục hàng tồn kho theo kết luận tại Báo cáo cuối cùng ngày 25/02/2020 của InS JSC với số tiền sau khi trừ mức miễn thường của Hợp đồng bảo hiểm là 10.217.961.599 đồng và lãi chậm trả phát sinh theo mức lãi suất tiền gửi của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) trên số tiền này tính từ ngày 23/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, sau đó tiếp tục trả lãi đến khi thanh toán dứt điểm số tiền bồi thường;

- Rút yêu cầu V phải thanh toán tiền lãi chậm trả từ ngày 28/11/2017 đến ngày 22/02/2018 trên số tiền 10.217.961.599 đồng;

Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu của Công ty H buộc V phải bồi thường thì Công ty H cũng không yêu cầu V phải hoàn trả lại phí bảo hiểm đã nộp 89.828.475 đồng.

Ngoài ra Công ty H còn rút lại yêu cầu M1 phải chịu ½ chi phí dọn dẹp và V phải chịu ½ chi phí dọn dẹp.

Đối với các khoản nợ mà Công ty H đã vay của ABC, trước khi xảy ra vụ cháy Công ty H đã thanh toán đầy đủ vốn và lãi theo lịch trình trả nợ. Từ khi vụ cháy xảy ra thì ngoài việc ủy nhiệm cho C4 thụ hưởng số tiền bồi thường

2.784.950.518 đồng từ M1 thì Công ty H có trả được một phần nợ và được C4 giải chấp một số tài sản thế chấp. Hiện Công ty H vẫn còn nợ C4 số tiền theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với tổng vốn và tổng lãi tính đến ngày 11/6/2020 là 8.750.464.688 đồng. Trong đó: Vốn gốc là 5.811.049.490 đồng, lãi trong hạn là 742.780.838 đồng và lãi quá hạn là 2.196.634.361 đồng; Công ty H sẽ thanh toán cho C4 số tiền này khi nhận được số tiền bồi thường bảo hiểm của M1; tuy nhiên, Công ty H không đồng ý ủy nhiệm cho C4 là người thụ hưởng trong trường hợp Tòa án buộc M1 phải bồi thường đối với hạng mục hàng tồn kho, bởi Công ty H chưa có văn bản ủy nhiệm cho C4 là người thụ hưởng đối với hạng mục này.

\* *Đại diện hợp pháp của Tổng Công ty cổ phần M1 (gọi tắt là M1)* xác nhận việc giao kết hợp đồng bảo hiểm, quá trình yêu cầu bồi THƯỜNG và kết quả bồi THƯỜNG như Công ty H trình bày; M1 cũng đã có văn bản 1950/2018-BM/TSKT ngày 18/10/2018 “*Thông báo về việc tính toán bồi THƯỜNG đối với hàng hóa vụ cháy ngày 27/10/2017 tại H*”; theo đó, đối với thiệt hại hàng hóa do các chứng từ mà Công ty H cung cấp không đủ cơ sở để tính toán nên M1 không thể giải quyết bồi THƯỜNG cho hạng mục này.

Về giám định viên độc lập, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên chỉ định giám định viên độc lập không thuộc các đơn vị do M1 giới thiệu và ngay khi có kết quả giám định của giám định viên độc lập do Tòa án chỉ định, M1 đã chuyển kết quả cho VietAdjuster JSC xem xét. Sau đó, VietAdjusters JSC có Văn bản số 157/17/CFE/SG-CV11 ngày 27/3/2020 khẳng định báo cáo của Công ty cổ phần giám định Đông Dương là bất hợp lý về số liệu sản xuất; không đưa ra được bằng chứng về việc hồ sơ lập lại được tạo lập trên cơ sở nào; mâu thuẫn với các thông tin ghi nhận tại hiện trường của VietAdjusters JSC nên không chính xác và đề nghị Tòa án sử dụng kết quả giám định của VietAdjusters JSC để giải quyết vụ án. Ngoài ra, M1 cho rằng Công ty H yêu cầu M1 phải trả lãi suất chậm trả là không đúng, bởi Bộ luật Dân sự năm 2005 có quy định nhưng Bộ luật Dân sự năm 2015 không quy định về mức lãi suất.

\* *Đại diện hợp pháp của Tổng Công ty bảo hiểm V (gọi tắt là V) trình bày:* giữa V và Công ty H có ký Hợp đồng Bảo hiểm cháy và các rủi ro đặc biệt bao gồm cháy nổ bắt buộc số 1279762 ngày 13/10/2017; có hiệu lực từ 00h00 ngày 13/10/2017 đến 23h59 ngày 12/10/2018. Tổng số tiền bảo hiểm mà V đồng ý bồi THƯỜNG tổn thất về hàng hóa cho Công ty H là 27.220.750.000 đồng, phí bảo hiểm là 89.828.475 đồng.

Ngày 19/10/2017, V có xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0006600 thể hiện Công ty H đã nộp đủ phí bảo hiểm với số tiền là 89.828.475 đồng và cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cùng ngày cho Công ty H.

Khi sự cố cháy nổ xảy ra V có nhận được thông báo từ phía Công ty H và có chỉ định Công ty cổ phần tư vấn và điều chỉnh Savvy (Savvy Adjusters JSC) là nhà giám định độc lập đến hiện trường tiến hành các công tác giám định để tìm hiểu diễn biến, nguyên nhân tổn thất và mức độ thiệt hại. Tuy nhiên, sau đó V nhận thấy theo quy định tại Điều 21 về nguyên tắc xác định doanh thu tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2010 thì Công ty H phải thanh toán phí bảo hiểm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày V xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0006600 tức ngày 19/10/2017 đến hết ngày 26/10/2017. Do đó, việc Công ty H nộp phí bảo hiểm vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 27/10/2017 là đã quá hạn 01 ngày và theo hồ sơ bảo hiểm cũng không thể hiện việc các bên có thỏa thuận gia hạn nộp phí bảo hiểm. Việc V xuất hóa đơn và cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm là để cho khách hàng biết số tiền được bảo hiểm phải nộp chứ không đồng nghĩa với việc là đã thu đủ phí bảo hiểm.

Về việc Công ty H cho rằng đại diện V khi bán bảo hiểm là ông Nguyễn Hữu Quốc Trung có thỏa thuận cho Công ty H được nợ phí bảo hiểm thời hạn một tháng, V khẳng định việc thỏa thuận này không có và ông Trung cũng không thừa nhận trong Tờ tường trình ngày 09/10/2019 gửi Tòa án. Vì vậy, Hợp đồng bảo hiểm số 1279762 đã chấm dứt vào hồi 00 giờ 00 phút ngày 27/10/2017, không còn thuộc trách nhiệm bảo hiểm của V nên V đã yêu cầu Savvy Adjusters JSC ngừng ngay công tác giám định.

Tại phiên tòa, đại diện V có xác định lại thời gian hết hiệu lực của hợp đồng là 00 giờ 00 phút ngày 20/10/2017, Công ty H nộp phí bảo hiểm ngày 26/10/2017 tức trễ 06 ngày chứ không phải 01 ngày nên V vẫn giữ nguyên ý kiến là không đồng ý bồi THƯỜNG theo yêu cầu của Công ty H. V sẽ tính toán hoàn trả lại phí bảo hiểm còn thừa cho Công ty H; về việc Tòa án yêu cầu V cho biết đã báo cáo thuế đối với số tiền phí bảo hiểm mà Công ty H đã nộp hay chưa thì đại diện V không rõ nên không cung cấp thông tin và không có yêu cầu gì. Trường hợp Công ty H không đồng ý nhận lại phí bảo hiểm mà V hoàn trả thì đại diện V cũng không có ý kiến. Ngoài ra đại diện V còn có thêm yêu cầu Tòa án tiến hành giám định lại như đại diện M1 đã yêu cầu.

*\* Đại diện hợp pháp của trình bày Ngân hàng THƯỜNG mại cổ phần C4 (gọi tắt là C4) trình bày: C4 cấp tín dụng cho Công ty H theo các văn bản/thỏa thuận tín dụng sau đây:*

1. Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LOX.DN.72.170316 ngày 21/3/2016 quy định về các điều khoản chung khi ký kết

hợp đồng và Hợp đồng tổng mức cấp tín dụng số LOX.DN.75.170316 ngày 21/3/2016 quy định tổng mức cấp tín dụng là 1.350.000.000 đồng.

Với tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số LOX.BĐDN.71.170316 ngày 21/3/2016 gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 22.088m<sup>2</sup>, loại đất chuyên trồng lúa nước, tại thửa đất số 34 + 35 + 637, tờ bản đồ số 84 tại ấp Phú An 1, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Thanh N3 và bà Nguyễn Thị S1.

- Phương tiện vận tải đường bộ: Xe ô tô con màu vàng, hiệu CHEVROLET, số khung: RLLJF696EBH902020, số máy: F16D38758571, biển số 67A-002.28 thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Quang N2 và chị Phùng Thị Tuyết T9.

Hai tài sản trên rút ngày 08/07/2019 với giá 1.435.000.000 đồng thu vào KUNN-246701139, KUNN-242437649.

2. Hợp đồng tổng mức cấp tín dụng số LOX.DN.698.240117 ngày 25/01/2017. C4 đã cấp tín dụng cho Công ty H theo các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

2.1. Hợp đồng tín dụng số LOX.DN.730.240117 ngày 25/01/2017 và được giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 231358889 ngày 25/01/2017, số tiền cho vay 4.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng (từ ngày 25/01/2017 đến ngày 25/01/2022), mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh sản xuất than bùn, nệm, mùng, mền, lãi suất 9,5%/năm, lãi suất vay được cố định trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức là: Lãi suất vay = LS13 + 3,66% + X, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình vay vốn, Công ty H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 10/9/2018, C4 đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số nợ vay chưa thanh toán của Công ty H. Ngày 23/11/2018, C4 chuyển nợ quá hạn áp dụng lãi suất 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 11/6/2020, Công ty H đã thanh toán số tiền 239.880.990 đồng và còn nợ C4 tổng cộng là 4.833.718.998 đồng, trong đó: Vốn gốc là 3.464.000.000 đồng; lãi trong hạn là 462.118.950 đồng; lãi quá hạn là 877.979.667 đồng và phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ là 29.620.382 đồng.

2.2. Căn cứ thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LOX.DN.1693.170317 ngày 22/3/2017. C4 tiếp tục cấp tín dụng cho Công ty H theo Hợp đồng cấp tín dụng số LOX.DN.1728.170317 ngày 28/3/2017 và được giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 234993119 ngày 28/3/2017, số tiền cho vay 630.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng (từ ngày 29/3/2017 đến ngày

28/3/2022), mục đích vay để mua xe phục vụ kinh doanh, lãi suất 9,7%/năm; lãi suất vay được cố định trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức là: Lãi suất vay (%/năm) =  $LS13 + 3,66\% + X$ , lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình vay vốn, Công ty H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 10/9/2018, C4 đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số nợ vay chưa thanh toán của Công ty H. Ngày 23/11/2018, C4 chuyển nợ quá hạn áp dụng lãi suất 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 11/6/2020, H đã thanh toán số tiền 29.530.918 đồng và còn nợ C4 tổng cộng là 818.445.672 đồng, trong đó: Vốn gốc là 567.000.000 đồng; lãi trong hạn là 72.846.136 đồng; lãi quá hạn là 141.742.227 đồng và phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ là 26.327.309 đồng.

2.3. Căn cứ thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LOX.DN.72.170316 ngày 21/3/2016, Hợp đồng tổng mức cấp tín dụng số LOX.DN.75.170316 ngày 21/3/2016, Hợp đồng tổng mức cấp tín dụng số LOX.DN.698.240117 ngày 25/01/2017, thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LOX.DN.1693.170317 ngày 22/3/2017, Hợp đồng tổng mức cấp tín dụng số LOX.DN.1224.250517 ngày 31/5/2017. C4 tiếp tục cấp tín dụng cho H theo Hợp đồng cấp tín dụng số LOX.DN.1233.250517 ngày 01/6/2017, Phụ lục hợp đồng số LOX.DN.1233.250517/PL-01 ngày 01/6/2017 và được giải ngân theo khế ước nhận nợ số 239206819 ngày 01/6/2017, cụ thể: Hạn mức tín dụng: 4.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh sản xuất nệm, mùng, mền, mua bán than bùn, đã giải ngân cho công ty số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 02/6/2017 đến ngày 01/12/2017, lãi suất 9,5%/năm, lãi suất vay được cố định trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức là: Lãi suất vay (%/năm) =  $LS13 + 3,10\% + X$ , lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Ngày 01/12/2017, khoản vay đáo hạn (kết thúc thời hạn cho vay) nhưng Công ty H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, từ ngày 02/12/2017, C4 đã chuyển toàn bộ số nợ vay chưa thanh toán sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 11/6/2020, Công ty H còn nợ C4 tổng cộng là 145.813.618 đồng, trong đó vốn gốc là 0 đồng, lãi trong hạn là 20.041.095 đồng, lãi quá hạn là 120.657.597 đồng và phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ là 5.114.926 đồng.

2.4. Căn cứ thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LOX.DN.72.170316 ngày 21/3/2016, Hợp đồng tổng mức cấp tín dụng số LOX.DN.75.170316 ngày 21/3/2016, Hợp đồng tổng mức cấp tín dụng số LOX.DN.698.240117 ngày 25/01/2017, thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LOX.DN.1693.170317 ngày 22/3/2017, Hợp đồng tổng mức cấp

tín dụng số LOX.DN.1224.250517 ngày 31/5/2017, Hợp đồng tổng mức cấp tín dụng số LOX.DN.261.190717. Ngày 21/7/2017, C4 cấp tín dụng cho Công ty H theo Hợp đồng cấp tín dụng số LOX.DN.457.190717 ngày 21/7/2017, Phụ lục hợp đồng số LOX.DN.457.190717/PL-01 ngày 21/7/2017 và được giải ngân theo các khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

- Khế ước nhận nợ số 242437649 ngày 21/7/2017. Hạn mức tín dụng: 6.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh theo ngành nghề của công ty, đã giải ngân cho Công ty H số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 22/7/2017 đến ngày 21/01/2018, lãi suất 9,5%/năm, lãi suất vay được cố định trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức là: Lãi suất vay (%/năm) =  $LS13 + 3,1\% + X$ , lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Ngày 21/01/2018, khoản vay đáo hạn nhưng Công ty H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, từ ngày 22/01/2018, C4 đã chuyển toàn bộ số nợ vay chưa thanh toán sang nợ quá hạn, tính đến ngày 11/6/2020, Công ty H còn nợ C4 tổng cộng là 434.113.155 đồng, trong đó vốn gốc là 130.049.490 đồng, lãi trong hạn là 66.630.137 đồng, lãi quá hạn là 220.730.912 đồng và phạt chậm trả, phạt trễ kỳ 16.702.616 đồng;

- Khế ước nhận nợ số 242792219 ngày 27/7/2017. Hạn mức tín dụng: 6.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh theo ngành nghề của công ty, đã giải ngân cho Công ty H số tiền 1.650.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 28/7/2017 đến ngày 27/01/2018, lãi suất 9,5%/năm, lãi suất vay được cố định trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức là: Lãi suất vay (%/năm) =  $LS13 + 3,1\% + X$ , lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Ngày 27/01/2018, khoản vay đáo hạn nhưng Công ty H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, từ ngày 28/01/2018, C4 đã chuyển toàn bộ số nợ vay chưa thanh toán sang nợ quá hạn, tính đến ngày 11/6/2020, Công ty H còn nợ C4 tổng cộng là 2.269.324.227 đồng, trong đó vốn gốc là 1.650.000.000 đồng, lãi trong hạn là 57.546.575 đồng, lãi quá hạn là 547.551.378 đồng và phạt chậm trả, phạt trễ kỳ 14.226.274 đồng;

- Khế ước nhận nợ số 246701139 ngày 26/9/2017. Hạn mức tín dụng: 6.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh theo ngành nghề của công ty, đã giải ngân cho Công ty H số tiền 1.350.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 27/9/2017 đến ngày 26/3/2018, lãi suất 9,5%/năm, lãi suất vay được cố định trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức là: Lãi suất vay (%/năm) =  $LS13 + 3,1\% + X$ , lãi suất quá hạn 150% lãi suất

trong hạn. Ngày 26/3/2018, khoản vay đáo hạn nhưng Công ty H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, từ ngày 27/3/2018, C4 đã chuyển toàn bộ số nợ vay chưa thanh toán sang nợ quá hạn, tính đến ngày 11/6/2020, Công ty H còn nợ C4 tổng cộng 325.929.156 đồng, trong đó: Vốn gốc là 0 đồng, lãi trong hạn là 63.597.945 đồng, lãi quá hạn là 247.188.730 đồng và phạt chậm trả, phạt trễ kỳ 15.142.481 đồng;

Ngoài ra, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 05/09/2018, C4 có nhận được số tiền bồi THƯỜNG hồ sơ C0357285 đối với hạng mục nhà xưởng và máy móc thiết bị là 2.784.950.510 đồng. Thu vào nợ gốc lần lượt các KUNN-239206819 số tiền 1.000.000.000 đồng và KUNN-242437649 số tiền 1.784.950.510 đồng.

Như vậy, tổng dư nợ tất cả các khoản vay nêu trên tính đến ngày 11/6/2020 của Công ty H tại C4 cả vốn lẫn lãi là 8.859.1987.64 đồng, cụ thể:

- Nợ gốc là: 3.464.000.000 đồng + 567.000.000 đồng + 130.049.490 đồng + 1.650.000.000 đồng = 5.811.049.490 đồng;

- Lãi trong hạn là: 462.118.950 đồng + 72.846.136 đồng + 20.041.095 đồng + 66.630.137 đồng + 57.546.575 đồng + 63.597.945 đồng = 742.780.838 đồng;

- Lãi quá hạn là: 903.520.893 đồng + 145.865.637 đồng + 120.657.597 đồng + 221.543.276 đồng + 557.858.227 đồng + 247.188.730 đồng = 2.196.634.361 đồng;

- Lãi phạt chậm trả là: 29.620.382 đồng + 27.016.424 đồng + 5.202.777 đồng + 16.994.694 đồng + 14.478.533 đồng + 15.421.267 đồng = 108.734.076 đồng.

Các khoản vay trên được bảo đảm bằng các tài sản gồm:

1. Thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 28, diện tích 10.007,8m<sup>2</sup> tại Khu công nghiệp Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang thuộc quyền sở hữu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H theo các giấy tờ về quyền sở hữu tài sản:

Giấy phép xây dựng số 1515/GPXD-BQLKKT do Ban quản lý khu kinh tế tỉnh An Giang cấp ngày 29/12/2016;

Hợp đồng thuê đất số 38/HĐ.TĐ do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh An Giang cấp ngày 26/7/2016;

Quyết định số 1520/QĐ-UBND về việc cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H thuê đất do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 03/6/2016;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR538195, số vào sổ CTHƯ3222 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh An Giang cấp ngày 26/7/2016.

Theo các Hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số LOX.BĐDN.343.240117 được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh An Giang ngày 25/01/2017, số công chứng 145, Quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh An Giang ngày 25/01/2017, Quyền số 10, số thứ tự 29;

- Hợp đồng thế chấp bổ sung để đảm bảo nghĩa vụ vay vốn bổ sung số LOX.BĐDN.343.240117/TCBS-01 được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh An Giang ngày 31/5/2017, số công chứng 834, Quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD;

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai để vay vốn bổ sung số LOX.BĐDN.343.240117/TCBS-02 được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh An Giang ngày 21/7/2017, số công chứng 1182, Quyền số 01/ TP/CC-SCC/HĐGD;

2. Thế chấp toàn bộ nhà xưởng, công trình xây dựng, tài sản gắn liền với đất, tài sản trên đất tọa lạc trên thửa đất số 54, tờ bản đồ số 28 tại xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H theo Hợp đồng thế chấp song phương tài sản gắn liền với đất số LOX.BĐDN.259.050718 ngày 17/07/2018 được ký kết giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H và Ngân hàng THƯƠng mại cổ phần C4 - Chi nhánh An Giang – Phòng giao dịch Long Xuyên.

3. Thế chấp phương tiện vận tải đường bộ: Xe ô tô hiệu TOYOTA COROLLA G, số khung: RL4BU9HE 9H7513253, số máy: 2ZR X608998, biển số 67A-062.28 thuộc quyền sở hữu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H theo Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số LOX.BĐDN.265.170317 ngày 22/3/2017 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 22/3/2017, số đơn 1243354134.

4. Thế chấp toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị, vật tư, hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H, anh Nguyễn Quang N2 và chị Phùng Thị Tuyết T9 theo Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số LOX.BĐDN.258.050718 ngày 17/7/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17/7/2018, số đơn 1294250211.



5. Thế chấp Khoản phải thu và quyền phát sinh là các khoản tiền và toàn bộ các quyền, lợi ích Bên bảo đảm (Công ty TNHH MTV H) có được theo Hợp đồng bảo hiểm số PFF/01332581 được ký kết giữa Bên bảo đảm và Công ty M1 An Giang theo Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số LOX.BĐDN.346.270618 ngày 05/7/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 05/7/2018, số đơn 1293150914.

6. Giấy cam kết về việc trả nợ của anh Nguyễn Quang N2 và chị Phùng Thị Tuyết T9 cùng ký ngày 25/01/2017, ngày 01/6/2017 và ngày 21/7/2017. Theo đó, Bên cam kết (anh Nguyễn Quang N2 và chị Phùng Thị Tuyết T9) đồng ý trả thay cho Bên được cấp tín dụng (Công ty H) các khoản nợ của Bên được cấp tín dụng với C4 khi Bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Nghĩa vụ trả nợ bao gồm toàn bộ nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng với C4 (bao gồm vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả, phí, các khoản phải trả khác).

7. Giấy cam kết về việc trả nợ của anh Nguyễn Quang N2, chị Phùng Thị Tuyết T9, ông Nguyễn Thanh N3 và bà Nguyễn Thị S1 (S2) cùng ký ngày 22/3/2017. Theo đó, Bên cam kết đồng ý trả thay cho Bên được cấp tín dụng (Công ty H) các khoản nợ của Bên được cấp tín dụng với C4 khi Bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Nghĩa vụ trả nợ bao gồm toàn bộ nghĩa vụ của Bên được cấp tín dụng với C4 (bao gồm vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả, phí, các khoản phải trả khác).

Do C4 đã thu hồi được một phần nợ vay và đã giải chấp một số tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Thanh N3, bà Nguyễn Thị S1, anh Nguyễn Quang N2 và chị Phùng Thị Tuyết T9. Vì vậy, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp C4 có yêu cầu như sau:

- Rút một phần yêu cầu trả nợ đối với số tiền nợ gốc là 1.435.000.000 đồng;
- Rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 34+35+637, tờ bản đồ số 84 tại ấp Phú An 1, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Thanh N3 và bà Nguyễn Thị S1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LOX.BĐDN.58.170316 ngày 24/3/2016;

Phương tiện vận tải đường bộ: Xe ô tô con màu vàng, hiệu CHEVROLET, số khung: RLLJF696EBH902020, số máy: F16D38758571, biển số 67A-002.28 thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Quang N2 và chị Phùng Thị Tuyết T9 theo Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số LOX.BĐDN.71.170316 ngày 21/3/2016.

- Rút yêu cầu khởi kiện đối với toàn bộ phần lãi phạt chậm trả của tất cả các khoản vay với số tiền tổng cộng là 108.734.076 đồng;

- Yêu cầu Công ty H phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho C4 tổng dư nợ còn thiếu vốn gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 11/6/2020 là 8.750.464.688 đồng. Trong đó: Vốn gốc là 5.811.049.490 đồng, lãi trong hạn là 742.780.838 đồng, lãi quá hạn là 2.196.634.361 đồng.

- Yêu cầu Công ty H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký kể từ ngày 12/6/2020 cho đến ngày trả dứt nợ, theo thứ tự sau: Vốn gốc, phạt chậm trả, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

- Yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì các Hợp đồng thế chấp dưới đây được ký kết giữa C4 với Công ty H để đảm bảo cho việc thi hành án và thu hồi nợ cho C4 gồm:

Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số LOX.BĐDN.343.240117 ký giữa C4 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H, được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh An Giang ngày 25/01/2017, số công chứng 145, Quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh An Giang ngày 25/01/2017, Quyền số 10, số thứ tự 29.

Hợp đồng thế chấp bổ sung để đảm bảo nghĩa vụ vay vốn bổ sung số LOX.BĐDN.343.240117/TCBS-01 ký giữa C4 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H, được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh An Giang ngày 31/5/2017, số công chứng 834, Quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD.

Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai để vay vốn bổ sung số LOX.BĐDN.343.240117/TCBS-02 ký giữa C4 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H, được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh An Giang ngày 21/7/2017, số công chứng 1182, Quyền số 01/ TP/CC-SCC/HĐGD. Hợp đồng thế chấp song phương tài sản gắn liền với đất số LOX.BĐDN.259.050718 ngày 17/07/2018 được ký kết giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H và Ngân hàng THƯơng mại cổ phần C4.

Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số LOX.BĐDN.265.170317 ngày 22/3/2017 ký giữa C4 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H; đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 22/3/2017, số đơn 1243354134.

Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số LOX.BĐDN.258.050718 ngày 17/7/2018 ký giữa C4 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H, anh Nguyễn Quang N2, chị Phùng Thị Tuyết Thanh; đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 17/7/2018, số đơn 1294250211.

Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số LOX.BĐDN.346.270618 ngày 05/7/2018 ký giữa C4 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H; đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05/7/2018, số đơn 1293150914.

- Trường hợp Công ty H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ, bao gồm:

Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 28, diện tích 10.007,8m<sup>2</sup> tại Khu công nghiệp Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang thuộc quyền sở hữu của Công ty H;

Toàn bộ nhà xưởng, công trình xây dựng, tài sản gắn liền với đất, tài sản trên đất tọa lạc trên thửa đất số 54, tờ bản đồ số 28, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;

Phương tiện vận tải đường bộ: Xe ô tô hiệu TOYOTA COROLLA G, số khung: RL4BU9HE 9H7513253, số máy: 2ZR X608998, biển số 67A-062.28 thuộc quyền sở hữu của Công ty H;

Toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị, vật tư, hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty H, anh Nguyễn Quang N2 và chị Phùng Thị Tuyết T9;

- Khoản phải thu và quyền phát sinh là các khoản tiền và toàn bộ các quyền, lợi ích Bên bảo đảm (Công ty H) có được theo Hợp đồng bảo hiểm số PFF/01332581 được ký kết giữa Công ty H và Công ty M1 An Giang;

- Anh Nguyễn Quang N2, chị Phùng Thị Tuyết T9, ông Nguyễn Thanh N3 và bà Nguyễn Thị S1 (S2) liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ ký ngày 25/01/2017, ngày 22/3/2017, ngày 01/6/2017 và ngày 21/7/2017.

Tại Bản án số 06/2020/KDTM-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã xử:

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H về việc buộc Tổng Công ty cổ phần M1 bồi THƯỜNG số tiền bảo hiểm là 18.024.318.997 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H về việc buộc Tổng Công ty cổ phần M1 thanh toán tiền lãi chậm trả từ ngày 28/11/2017 đến ngày 22/4/2018 trên số tiền 10.244.030.355 đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H về việc buộc Tổng Công ty bảo hiểm V bồi THƯỜNG số tiền bảo hiểm là 17.002.788.401 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H về việc buộc Tổng Công ty bảo hiểm V phải thanh toán tiền lãi chậm trả từ ngày 28/11/2017 đến ngày 22/02/2018 trên số tiền 10.217.961.599 đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng THƯƠng mại cổ phần C4 về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H thanh toán nợ theo Hợp đồng tổng mức cấp tín dụng số LOX.DN.75.170316 ngày 21/3/2016 với tổng số tiền vốn gốc là 1.435.000.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng THƯƠng mại cổ phần C4 về việc xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 34+35+637, tờ bản đồ số 84 tại ấp Phú An 1, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Thanh N3 và bà Nguyễn Thị S1 (S2) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LOX.BĐDN.58.170316 ngày 24/3/2016.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng THƯƠng mại cổ phần C4 về việc xử lý tài sản thế chấp là phương tiện vận tải đường bộ: xe ô tô con màu vàng, hiệu CHEVROLET, số khung: RLLJF696EBH902020, số máy: F16D38758571, biển số 67A-002.28 thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Quang N2 và chị Phùng Thị Tuyết T9 theo Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số LOX.BĐDN.71.170316 ngày 21/3/2016.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng THƯƠng mại cổ phần C4 về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H thanh toán lãi phạt là 108.734.076 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H và Ngân hàng THƯƠng mại cổ phần C4 có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại những yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện còn lại của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H đối với Tổng Công ty cổ phần M1 và Tổng Công ty bảo hiểm V.

Buộc Tổng Công ty cổ phần M1 phải có trách nhiệm bồi THƯỜng bảo hiểm cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H số tiền là 10.244.030.355 đồng và lãi là 3.584.044.753 đồng. Tổng cộng là 13.828.075.108 đồng, làm tròn 13.828.075.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Buộc Tổng Công ty bảo hiểm V phải có trách nhiệm bồi THƯỜNG bảo hiểm cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H số tiền là 10.217.961.599 đồng và lãi là 2.329.158.802 đồng. Tổng cộng là 12.547.120.401 đồng, làm tròn 12.547.120.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của Ngân hàng THƯƠNG mại cổ phần C4 đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H phải thanh toán cho Ngân hàng THƯƠNG mại cổ phần C4 tổng vốn và lãi đối với các khoản nợ còn lại tính đến ngày 11/6/2020 là 8.750.464.688 đồng. Trong đó: vốn gốc là 5.811.049.490 đồng, lãi trong hạn là 742.780.838 đồng, quá hạn là 2.196.634.361 đồng. Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số LOX.DN.730.240117 ngày 25/01/2017 và được giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 231358889 ngày 25/01/2017: vốn gốc là 3.464.000.000 đồng, lãi trong hạn là 462.118.950 đồng và lãi quá hạn là 903.520.893 đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng số LOX.DN.1728.170317 ngày 28/3/2017 và được giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 234993119 ngày 28/3/2017: vốn gốc là 567.000.000 đồng, lãi trong hạn là 72.846.136 đồng và lãi quá hạn là 145.865.637 đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng số LOX.DN.1233.250517 ngày 01/6/2017, Phụ lục hợp đồng số LOX.DN.1233.250517/PL-01 ngày 01/6/2017 và được giải ngân theo khế ước nhận nợ số 239206819 ngày 01/6/2017: vốn gốc là 0 đồng, lãi trong hạn là 20.041.095 đồng và lãi quá hạn là 120.657.597 đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng số LOX.DN.457.190717 ngày 21/7/2017, Phụ lục hợp đồng số LOX.DN.457.190717/PL-01 ngày 21/7/2017 và Khế ước nhận nợ số 242437649 ngày 21/7/2017: vốn gốc là 130.049.490 đồng, lãi trong hạn là 66.630.137 đồng và lãi quá hạn là 221.543.276 đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng số LOX.DN.457.190717 ngày 21/7/2017, Phụ lục hợp đồng số LOX.DN.457.190717/PL-01 ngày 21/7/2017 và Khế ước nhận nợ số

242792219 ngày 27/7/2017: vốn gốc là 1.650.000.000 đồng, lãi trong hạn là 57.546.575 đồng và lãi quá hạn là 557.858.227 đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng số LOX.DN.457.190717 ngày 21/7/2017, Phụ lục hợp đồng số LOX.DN.457.190717/PL-01 ngày 21/7/2017 và Khế ước nhận nợ số 246701139 ngày 26/9/2017: Vốn gốc là 0 đồng, lãi trong hạn là 63.597.945 đồng và lãi quá hạn là 247.188.730 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngân hàng THƯƠng mại cổ phần C4 có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H các tài sản đảm bảo khi Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H đã thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H không thanh toán nợ đúng hạn thì Ngân hàng THƯƠng mại cổ phần C4 có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp còn lại để thu hồi nợ gồm: nhà làm việc 289,9m<sup>2</sup>; nhà xe 2 diện tích xây dựng 287m<sup>2</sup>; kho chứa vải vụn diện tích xây dựng 350m<sup>2</sup>; nhà đặt máy phát điện diện tích xây dựng 34,44m<sup>2</sup>; nhà vệ sinh (02 cái) diện tích xây dựng 28m<sup>2</sup>; bể nước phòng cháy chữa cháy diện tích xây dựng 90m<sup>2</sup>; bể nước sinh hoạt diện tích xây dựng 6m<sup>2</sup>; cổng, hàng rào tổng chiều dài 405,81m<sup>2</sup> và 01 xe ô tô con hiệu TOYOTA COROLLA G mang biển kiểm soát 67A-062.28 do H đứng tên, số khung: RL4BU9HE9H7513253, số máy: 2ZR X608998. Theo các Hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số LOX.BĐDN.343.240117 ký giữa Ngân hàng THƯƠng mại cổ phần C4 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H ngày 25/01/2017;

- Hợp đồng thế chấp bổ sung để đảm bảo nghĩa vụ vay vốn bổ sung số LOX.BĐDN.343.240117/TCBS-01 ký giữa Ngân hàng THƯƠng mại cổ phần C4 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H ngày 31/5/2017;

- Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số LOX.BĐDN.346.270618 ngày 05/7/2018 ký giữa Ngân hàng THƯƠng mại cổ phần C4 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H ngày 05/7/2018.

- Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số LOX.BĐDN.258.050718 ngày 17/7/2018 ký giữa Ngân hàng THƯƠng mại cổ phần C4 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H, ông Nguyễn Quang N2, bà Phùng Thị Tuyết Thanh ngày 17/7/2018;

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai để vay vốn bổ sung số LOX.BĐDN.343.240117/TCBS-02 ký giữa Ngân hàng THƯƠng mại cổ phần C4 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H ngày 21/7/2017;

Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để Ngân hàng THƯƠng mại cổ phần C4 thu hồi nợ thì Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Không chấp nhận yêu cầu được thụ hưởng số tiền bồi THƯỜng bảo hiểm do Tổng Công ty cổ phần M1 bồi THƯỜng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H của Ngân hàng THƯƠng mại cổ phần C4.

Không chấp nhận yêu cầu buộc anh Nguyễn Quang N2, chị Phùng Thị Tuyết T9, ông Nguyễn Thanh N3 và bà Nguyễn Thị S1 (S2) phải thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H của Ngân hàng THƯƠng mại cổ phần C4.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí giám định, thẩm định, án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/6/2020, M1 có đơn kháng cáo đề ngày 19/6/2020 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và trả hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Ngày 25/6/2020, V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng quyết định của bản án sơ thẩm không khách quan và đề nghị hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Ngày 25/6/2020, C4 kháng có đơn kháng cáo đề ngày 22/6/2020 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút lại yêu cầu khởi kiện, người có quyền, nghĩa vụ liên quan không rút yêu cầu độc lập, những người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện hợp pháp của M1 vẫn giữ các ý kiến trình bày, tranh luận và không có ý kiến gì khác; theo đó, M1 cho rằng M1 yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm đã không triệu tập những người cung cấp nguyên liệu cho Công ty H tham gia tố tụng với tư cách người có quyền, nghĩa vụ liên quan theo yêu cầu của

M1 để làm rõ việc cung cấp nguyên liệu để từ đó tính toán hàng tồn kho, chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh Công ty H nhập nguyên liệu, xuất hàng nên đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của M1.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm thì khi các bên không đồng ý với kết quả giám định thì có thể yêu cầu Tòa án chỉ định giám định viên độc lập và để thực hiện quyền của mình, M1 đã giới thiệu 03 nhà giám định viên có kinh nghiệm và uy tín để thực hiện việc giám định tổn thất của Công ty H nhưng Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên chỉ định Công ty cổ phần giám định Đông Dương (không thuộc danh sách nhà giám định do M1 giới thiệu) và ngay sau khi có kết quả giám định, M1 đã chuyển cho Công ty cổ phần điều chỉnh Việt (VietAdjusters JSC) và VietAdjusters JSC đã có văn bản phúc đáp, phản bác kết quả giám định Công ty cổ phần giám định Đông Dương và do đó, M1 xác định kết quả giám định của VietAdjusters JSC là chính xác, đề nghị sử dụng kết quả giám định của VietAdjusters JSC làm cơ sở giải quyết nhưng nếu Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết, yêu cầu giám định lại thiệt hại.

Bên cạnh đó, đáng lẽ Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên áp dụng quy định tại Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự và Luật giám định tư pháp trong việc thu thập chứng cứ xác định thiệt hại của Công ty H nhưng lại áp dụng khoản 2 Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm trong việc xác định thiệt hại là không đúng vì điều khoản này chỉ áp dụng ở giai đoạn tiền tố tụng.

Đại diện hợp pháp của V vẫn giữ các ý kiến trình bày, tranh luận và không có ý kiến gì khác; theo đó, V cho rằng Công ty H nộp phí bảo hiểm vào hồi 15 giờ 32 phút ngày 27/10/2017 là đã nộp trễ phí 01 ngày nên căn cứ Điều 21 Thông tư 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 73/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ thì hợp đồng bảo hiểm giữa V và Công ty H đã chấm dứt, không còn hiệu lực kể từ thời điểm 00 giờ 00 phút ngày 27/10/2017 nên tổn thất của Công ty H do vụ cháy gây nên không thuộc trách nhiệm bảo hiểm của V.

Việc giám định của Công ty cổ phần giám định Đông Dương không có giá trị pháp lý vì tính toán trên cơ sở số liệu người được bảo hiểm làm lại, không có bảng lương, không có hồ sơ xuất nhập kho, không xem xét diện tích kho với sức chứa hàng hóa tồn kho nên đề nghị Tòa án giám định lại.

Bản án sơ thẩm có đoạn thể hiện V có cùng người được bảo hiểm kiểm kê hàng hóa là không đúng mà V chỉ bán bảo hiểm theo kê khai của người được bảo hiểm.

Ngoài ra, trong giai đoạn sơ thẩm, V có yêu cầu triệu tập những nhà cung cấp cho Công ty H để làm rõ lượng hàng xuất nhập kho nhưng không được chấp



nhận và Tòa án không công khai về kết quả giám định của Công ty cổ phần giám định Đông Dương nên V không thể có ý kiến về kết quả giám định này.

Bên cạnh đó, theo phân bổ số tiền bồi THƯỜNG thuộc trách nhiệm của V là 10.217.961.599 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc V bồi THƯỜNG 12.547.120.000 đồng và Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 không có quy định về tiền lãi.

Đại diện hợp pháp của C4 vẫn giữ các ý kiến trình bày, tranh luận và không có ý kiến gì khác; theo đó, C4 cho rằng Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên có thiếu sót khi xem xét các hợp đồng được giao kết giữa C4 với Công ty H, của bên bảo lãnh, cụ thể:

Tòa án công nhận hiệu lực của hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số LOX.BĐDN.265.170317 ngày 22/3/2017 được ký kết giữa C4 với Công ty H nhưng không ghi nhận C4 yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô biển số 67A-062.28 của Công ty H.

Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp còn lại đối với hợp đồng thế chấp số LOX.BĐDN.343240117 là chưa xem xét toàn diện đến các thỏa thuận khác trong hợp đồng thế chấp số LOX.BĐDN.258.050718 và số LOX.BĐDN.259.050718 trong khi tài sản theo hai hợp đồng này cũng được xem là tài sản thế chấp, phát sinh, hình thành từ việc sửa chữa, khôi phục tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LOX.BĐDN.343240117 cũng như theo quy định tại khoản 4 Điều 320 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không đồng ý việc Tòa án không chấp nhận C4 là người thụ hưởng và việc không buộc những người cam kết trả nợ liên đới cùng trả nợ cho Công ty H.

Anh Nguyễn Quang N2 cho rằng khi Công ty H vay tiền của C4 đã thế chấp đầy đủ các tài sản và việc anh, chị T9, ông N3 và bà S1 ký cam kết trả nợ cho Công ty H là do C4 ép buộc nên không đồng ý liên đới cùng Công ty H trả nợ cho C4.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu về vụ án: từ khi thụ lý phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý, thời hạn chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định.

Về nội dung: tại phiên tòa đại diện hợp pháp của Công ty H rút lại một phần yêu cầu tính lãi đối với V và chỉ yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 20/5/2020 đến khi thanh toán xong tiền bồi THƯỜNG, đây là sự tự nguyện phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm nên cần chấp nhận.

Về vấn đề giám định độc lập do Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên chỉ định là phù hợp vì tại thời điểm này, các bên đương sự đã và đang tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm, trong đó có việc không thống nhất về kết luận giám định thiệt hại nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên trưng cầu giám định độc lập là đúng quy định pháp luật.

Như vậy, kháng cáo của M1, V và C4 yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng trong quá trình thụ lý giải quyết và tại phiên tòa hôm nay các đương sự không cung cấp tài liệu chứng cứ gì mới như yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở xem xét và đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 289, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của M1, đình chỉ phần yêu cầu tính lãi của Công ty H đã rút và giữ nguyên các phần khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thủ tục: Tổng công ty bảo hiểm V, Tổng công ty cổ phần M1 và Ngân hàng THƯƠng mại cổ phần C4 kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về yêu cầu kháng cáo của V cho rằng hợp đồng bảo hiểm giữa V với Công ty H đã chấm dứt, Hội đồng xét xử xét thấy: theo hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết ngày 13/10/2017, bên mua bảo hiểm phải nộp phí bảo hiểm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và V đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty H vào ngày 19/10/2017; như vậy, chậm nhất đến hết ngày 20/10/2017, Công ty H phải nộp phí bảo hiểm cho V nhưng đến ngày 27/10/2017 mới nộp phí bảo hiểm là đã nộp phí bảo hiểm trễ hạn. Đáng lẽ hợp đồng bảo hiểm giữa V với Công ty H đã chấm dứt kể từ ngày 21/10/2017 như ý kiến của đại diện hợp pháp của V trình bày tại phiên tòa (đại diện hợp pháp của V cho rằng hợp đồng chấm dứt vào lúc 00 giờ 00 phút ngày 27/10/2017), tuy nhiên ngày 28/10/2017, sau khi dập tắt vụ cháy do hỏa hoạn, anh Nguyễn Quang N2 đã thông báo về vụ hỏa hoạn cho V và M1; khi nhận được thông tin, V đã cử cán bộ cùng giám định độc lập đến Công ty H ghi nhận, tiến hành công tác giám định cho đến ngày 26/02/2018, V yêu cầu Savy ngừng công tác giám định và thông báo cho Công ty H về việc không chi trả bảo hiểm cho Công ty H.

Bên cạnh đó, V còn cho rằng vì Công ty H chuyển tiền phí bảo hiểm vào chiều ngày 27/10/2017 nên V không có thời gian xử lý đối với khoản tiền thừa sau

khi đã khấu trừ phí đối với thời gian đã bảo hiểm và hiện còn đang quản lý số tiền này và do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Án lệ số 37 để giải quyết là không đúng.

Để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ về khoản tiền phí bảo hiểm mà Công ty H đã chuyển vào tài khoản của V, về hóa đơn giá trị gia tăng số 0006600 do V xuất ngày 19/10/2017 cho Công ty H với kết quả V đã khai báo thuế và nộp thuế của kỳ thuế tháng 10/2017 vào ngày 20/11/2017.

Các tình tiết, sự kiện trên đã cho thấy: mặc dù Công ty H đã nộp phí bảo hiểm trễ hạn và mặc dù V biết việc Công ty H chuyển tiền phí bảo hiểm và đã nhận được tiền vào ngày 27/10/2017 nhưng mặc nhiên trong thời gian dài, V không tính toán tiền phí bảo hiểm đối với khoản thời gian bảo hiểm (từ ngày 13/10/2017 đến ngày 20/10/2017) để xử lý khoản tiền mà Công ty H đã chuyển nộp mà ngược lại, khi nhận thông tin về sự kiện bảo hiểm, V đã cử cán bộ của mình và giám định viên độc lập tiến hành các công việc liên quan đến việc xác định thiệt hại của Công ty H do vụ hỏa hoạn gây ra; song song đó V đã khai báo thuế và nộp thuế đối với số tiền phí bảo hiểm do Công ty H chuyển nộp. Điều đó thể hiện V đồng ý với việc nộp phí bảo hiểm trễ hạn của Công ty H và tiếp tục thực hiện hợp đồng bảo hiểm đã ký kết nên Hội đồng xét xử không chấp nhận trình bày của đại diện hợp pháp của V về việc hợp đồng bảo hiểm giữa Công ty H và V đã chấm dứt kể từ 00 giờ 00 phút ngày 27/10/2017 và cũng như viện dẫn, phân tích các sự kiện trên đã xác định được việc Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên áp dụng Án lệ số 37 để giải quyết là có cơ sở, đúng quy định.

[2.2] Về yêu cầu của M1, của V về việc triệu tập những người cung cấp nguyên liệu cho Công ty H để làm rõ hàng hóa tồn kho cũng như chưa thu thập đủ tài liệu, chứng cứ xác định hàng tồn kho tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm, Hội đồng xét xử xét thấy: trên cơ sở hợp đồng bảo hiểm rủi ro đặc biệt được các bên giao kết, việc xác định thiệt hại hàng hóa do hỏa hoạn xảy ra (sự kiện bảo hiểm) là cơ sở để xác định trách nhiệm chi trả bảo hiểm của người bảo hiểm nên việc xác định số lượng tài sản, số lượng hàng hóa tồn kho (tài sản được bảo hiểm) của người được bảo hiểm ngay trước khi sự kiện bảo hiểm xảy ra là điều kiện tiên quyết và vì thế cần thiết thu thập tài liệu, chứng cứ, làm việc với những người cung cấp nguyên liệu cho Công ty H để làm rõ, từ đó xác định lượng hàng tồn kho tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm để xác định thiệt hại; tuy nhiên, khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, M1 đã giao cho VietAdjusters JSC giám định và do các bên không thống nhất về hàng hóa bị thiệt hại nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã trưng cầu giám định thiệt hại và người giám định đã đưa ra kết luận về thiệt hại của

Công ty H, do vậy không cần thiết triệu tập những người cung cấp nguyên liệu cho Công ty H tham gia tố tụng như yêu cầu của M1, V.

[2.3] Về yêu cầu giám định lại của M1, của V, Hội đồng xét xử xét không chấp nhận bởi các lý do:

Khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, V đã thực hiện cử giám định viên độc lập giám định thiệt hại của Công ty H nhưng do V nhận định hợp đồng bảo hiểm giữa V và Công ty H đã chấm dứt vào hồi 00 giờ 00 phút ngày 27/10/2017 nên đã yêu cầu người giám định không tiếp tục giám định và thông báo từ chối chi trả bảo hiểm cho Công ty H. Đây là suy luận chủ quan của V và như phân tích tại phần [2.1], hợp đồng bảo hiểm giữa V và Công ty H vẫn được V thừa nhận và thực hiện nên V phải có nghĩa vụ thực hiện theo như thỏa thuận đã giao kết; việc V yêu cầu người giám định độc lập ngừng công tác giám định được xem như V từ bỏ quyền của người bảo hiểm trong việc xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất như quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi, bổ sung năm 2010 và do V đã từ bỏ quyền nên khi có kết luận giám định của giám định viên độc lập do Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên chỉ định thì kết luận này vẫn có giá trị đối với V như quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi, bổ sung năm 2010.

Đối với trình bày của M1, M1 cho rằng để tiến hành giám định lại, M1 đã giới thiệu 03 nhà giám định độc lập có uy tín để Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên lựa chọn nhưng Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên lại chỉ định Công ty cổ phần giám định Đông Dương và khi có kết luận giám định lại Công ty cổ phần điều chỉnh Việt đã có văn bản phúc đáp, phản bác kết quả giám định Công ty cổ phần giám định Đông Dương và do đó, M1 xác định kết quả giám định của VietAdjusters JSC là chính xác, đề nghị sử dụng kết quả giám định của VietAdjusters JSC làm cơ sở giải quyết hoặc tiến hành giám định lại; đồng thời còn cho rằng Tòa án phải giám định trên cơ sở quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật giám định tư pháp mà cụ thể là Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự chứ không áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi, bổ sung năm 2010.

Hội đồng xét xử thấy rằng: tuy M1 đã giới thiệu 03 nhà giám định độc lập nhưng Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên chỉ định Công ty cổ phần giám định Đông Dương giám định là hoàn toàn có cơ sở vì khi Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành thủ tục chỉ định giám định, Tòa án đã làm việc với các bên về việc chọn người giám định độc lập nhưng do các bên không thống nhất lựa chọn được giám định viên độc lập mà giới thiệu những nhà giám định độc lập khác nhau nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000,

được sửa đổi, bổ sung năm 2010 chỉ định giám định viên độc lập là đúng và kết luận của giám định viên độc lập được Tòa án chỉ định có giá trị bắt buộc đối với các bên.

Về ý kiến của M1 yêu cầu sử dụng kết quả giám định của VietAdjusters JSC làm cơ sở giải quyết vụ án hoặc tiến hành giám định lại và việc giám định phải căn cứ vào quy định tại Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự và Luật giám định tư pháp, Hội đồng xét xử thấy rằng: việc thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định, trong đó có quy định tại Điều 102 Bộ luật tố tụng dân sự như đại diện hợp pháp của M1 nêu; đối với trình bày và yêu cầu giám định lại của M1, Hội đồng xét xử nhận thấy đại diện hợp pháp của M1 trình bày và yêu cầu như trên là do dựa trên cơ sở quy định tại khoản 3 Điều 262 Luật thương mại năm 2005, tuy nhiên trong vụ tranh chấp này, quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Hợp đồng bảo hiểm”, là tranh chấp liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm và Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2010 có quy định chi tiết tại Điều 48 nên về nguyên tắc phải áp dụng pháp luật về kinh doanh bảo hiểm để giải quyết và theo đó, kết luận giám định của giám định viên độc lập do Tòa án chỉ định có giá trị bắt buộc đối với các bên nên Hội đồng xét xử cũng không chấp nhận yêu cầu giám định lại của M1.

Như vậy, như phân tích ở các điểm trên, M1 và V phải có trách nhiệm bồi thường bảo hiểm cho Công ty H với số tiền lần lượt là 10.244.030.355 đồng và 10.217.961.599 đồng (theo kết quả giám định).

[2.4] Về việc tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường, Hội đồng xét xử xét thấy: tại mục 5.1 Điều 5 hợp đồng bảo hiểm giữa V và Công ty H có thỏa thuận về việc trong hạn 30 ngày kể từ ngày thống nhất mức độ tổn thất mà V không chi trả tiền bồi thường thì phải trả lãi suất chậm trả (tính theo lãi suất tiền gửi của Vietcombank) và khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, V đã cử giám định viên độc lập là Công ty cổ phần tư vấn và điều chỉnh Savvy (Savvy Adjusters JSC) để tiến hành công tác giám định thiệt hại của Công ty H nhưng với nhận định chủ quan của V, V đã yêu cầu Savvy Adjusters JSC ngừng công tác giám định và ngày 26/02/2018, Công ty V An Giang có văn bản số 146/2018/BVAG/NV không đồng ý bồi thường vì cho rằng Công ty H đã thanh toán phí bảo hiểm quá thời hạn. Như vậy, các bên đã có tranh chấp về tính có hiệu lực hợp đồng bảo hiểm và từ đó dẫn đến sự không thể thống nhất về thiệt hại của Công ty H do vụ hỏa hạn gây ra; đáng lẽ trong trường hợp này, Công ty H hoàn toàn có quyền căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2010 yêu cầu Tòa án chỉ định giám định viên độc lập để tiến hành công tác giám định thiệt hại và

ngày giám định viên độc lập do Tòa án chỉ định đưa ra kết luận về thiệt hại, cũng như mức thiệt hại làm cơ sở bồi thường bảo hiểm, tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường bảo hiểm của người bảo hiểm nhưng Công ty H không thực hiện, do đó cần xác định lại thời điểm tính lãi do chậm nghĩa vụ bồi thường bảo hiểm; theo đó giám định độc lập là Công ty cổ phần giám định Đông Dương đã đưa ra kết luận về thiệt hại của Công ty H vào ngày 25/02/2020 và đến ngày 20/4/2020 Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên công bố về kết luận này trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (có sự tham gia của đại diện V tại phiên họp), đồng thời căn cứ tính bắt buộc đối với các bên của kết quả giám định này (quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2010), Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 20/4/2020, V phải thực hiện nghĩa vụ chi trả bồi thường bảo hiểm cho Công ty H, nếu V không thực hiện thì V còn phải chịu lãi theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Công ty H có rút lại một phần yêu cầu tính lãi chậm thanh toán, yêu cầu này là tự nguyện và phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Việc đại diện hợp pháp của V cho rằng Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2010 không quy định về việc tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường bảo hiểm để yêu cầu không tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của đại diện V không có cơ sở chấp nhận vì tuy pháp luật về kinh doanh bảo hiểm không quy định về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ chi trả bảo hiểm nhưng tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định về việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và lãi suất; Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên có nhầm lẫn trong việc áp dụng Luật thương mại năm 2005 để giải quyết nhưng xét thấy không ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử cần chỉnh sửa lại căn cứ pháp luật làm cơ sở giải quyết.

Như nhận định trên, theo đó, do các bên thỏa thuận lãi suất chậm trả trong hợp đồng bảo hiểm được tính căn cứ vào lãi suất tiền gửi của Vietcombank và lãi suất tiền gửi do Vietcombank công bố vào tháng 6/2020 đối với kỳ hạn 01 tháng là 4%/năm (tương ứng lãi suất chậm trả là 6%/năm) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng lãi suất này để tính lãi chậm thanh toán, cụ thể: từ ngày 20/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/6/2020) là 23 ngày nên tiền lãi phải chịu là  $10.217.961.599 \text{ đồng} \times 6\%/\text{năm} : 365 \text{ ngày} \times 23 \text{ ngày} = 38.632.293 \text{ đồng}$ .

[2.5] Do M1 không có kháng cáo yêu cầu về lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ chi trả bồi thường bảo hiểm nên Hội đồng xét xử không xem xét và M1 phải chịu tiền lãi đến ngày 11/6/2020 do chậm thực hiện nghĩa vụ là 3.584.044.753 đồng.

[2.6] Đối với kháng cáo của C4, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.6.1] Đối với việc không ghi nhận tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp/cầm cố số LOX.BĐDN.265.170317 ngày 22/3/2017 trong phần quyết định của bản án, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định hợp đồng trên có hiệu lực pháp nhưng không ghi nhận trong phần quyết định của bản án là thiếu sót nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của C4.

[2.6.2] Đối với việc án sơ thẩm tuyên C4 có quyền yêu cầu xử tài sản còn lại đối với hợp đồng thế chấp số LOX.BĐDN.343240117 ngày 25/01/2017, Hội đồng xét xử thấy rằng tại điểm 4.2 Điều 4 của hợp đồng có ghi nhận “ ... và thông báo cho C4 về thực trạng tài sản thế chấp, quá trình hình thành và sự thay đổi của tài sản thế chấp” và điểm 11.10 Điều 10 của hợp đồng quy định các nội dung trong hợp đồng không quy định sẽ được giải thích và xử lý theo quy định, trong đó như đại diện của C4 trình bày Điều 320 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ sửa chữa, thay thế tài sản thế chấp bị hư hỏng; như vậy, khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, tài sản thế chấp bị thiệt hại thì người thế chấp phải có nghĩa vụ sửa chữa và tài sản hình thành do sửa chữa vẫn thuộc tài sản thế chấp nên cần tuyên buộc xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

[2.6.3] Đối với yêu cầu xác định C4 được thụ hưởng bảo hiểm từ hợp đồng bảo hiểm đối với danh mục hàng hóa của Công ty H, Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Công ty H thừa nhận hợp đồng bảo hiểm 1242402 ngày 25/01/2017 được giao kết giữa M1 với Công ty H xác định người thụ hưởng là C4, đến ngày 14/7/2017, Công ty H cùng M1 thỏa thuận chấm dứt hợp đồng trên để tiếp tục giao kết hợp đồng bảo hiểm số PFF/01332581, việc trên không được sự đồng ý bằng văn bản của C4 nhưng C4 vẫn được Công ty H và M1 xác định là người thụ hưởng, đến ngày 12/10/2017, Công ty H và M1 tiếp tục giao kết hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo hiểm trên và vẫn xác định trong hợp đồng người thụ hưởng là C4 và thực tế C4 đã thụ hưởng bảo hiểm đối với số tiền bảo hiểm cho mục nhà xưởng và máy móc. Như vậy, các bên đã tham gia giao dịch với nhau qua nhiều lần với cách thức như trên và đều xác định C4 là người thụ hưởng, đây chính là thói quen THƯƠNG mại được quy định tại khoản 3 Điều 3, Điều 12 Luật THƯƠNG mại năm 2005, cũng như thực tế C4 đã được Công ty H ký ủy nhiệm để C4 thụ hưởng số tiền bồi thường bảo hiểm đối với danh mục nhà xưởng và máy móc nên Hội đồng xét xử xác định C4 vẫn là người thụ hưởng đối với danh mục hàng hóa của Công ty H đã được M1 bảo hiểm.

[2.6.4] Đối với yêu cầu anh Nguyễn Quang N2, chị Phùng Thị Tuyết T9, ông Nguyễn Thanh N3 và bà Nguyễn Thị S1 liên đới cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho Công ty H, Hội đồng xét xử thấy, các giấy cam kết trả nợ được anh N2, chị T9, ông N3 và bà S1 tự nguyện ký kết, phù hợp với quy định của pháp luật nên đã có hiệu lực pháp luật, theo đó, anh N2, chị T9, ông N3 và bà S1 cam kết trả nợ thay cho Công ty H, đây chính là sự bảo lãnh nên trong trường hợp Công ty H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho C4 thì C4 hoàn toàn có quyền yêu cầu anh N2, chị T9, ông N3 và bà S1 thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh.

Việc Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xác định C4 chỉ có quyền lựa chọn một hình thức bảo đảm là không đúng nên cần sửa bản án sơ thẩm về phần quyết định này.

[3] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do yêu cầu kháng cáo của M1 không được chấp nhận nên M1 còn phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, yêu cầu kháng cáo của C4 và yêu cầu kháng cáo của V được chấp nhận một phần nên không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm và điều chỉnh tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho phù hợp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 161, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 15; khoản 2 Điều 17; Điều 29; khoản 2 Điều 44; Điều 46; Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2010;

Căn cứ Điều 3, Điều 12 Luật thương mại 2005;

Căn cứ Điều 335, Điều 336, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 167, Điều 168 và Điều 188 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Án lệ số 37/2020/AL được công bố theo Quyết định 50/QĐ-CA ngày 25/02/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;



Căn cứ khoản 2, khoản 6 Điều 26; khoản 1, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**Xử:**

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo Tổng Công ty cổ phần M1.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty bảo hiểm V.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo Ngân hàng thương mại cổ phần C4.

Sửa Bản án sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[1] Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên H về việc buộc Tổng Công ty cổ phần M1 bồi thường số tiền bảo hiểm là 18.024.318.997 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H về việc buộc Tổng Công ty cổ phần M1 thanh toán tiền lãi chậm trả từ ngày 28/11/2017 đến ngày 22/4/2018 trên số tiền 10.244.030.355 đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H về việc buộc Tổng Công ty bảo hiểm V bồi THƯỜNG số tiền bảo hiểm là 17.002.788.401 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H về việc buộc Tổng Công ty bảo hiểm V phải thanh toán tiền lãi chậm trả từ ngày 28/11/2017 đến ngày 22/02/2018 trên số tiền 10.217.961.599 đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần C4 về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H thanh toán nợ theo Hợp đồng tổng mức cấp tín dụng số LOX.DN.75.170316 ngày 21/3/2016 với tổng số tiền vốn gốc là 1.435.000.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần C4 về việc xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 34+35+637, tờ bản đồ số 84 tại ấp Phú An 1, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Thanh N3 và bà Nguyễn Thị S1 (S2) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LOX.BDDN.58.170316 ngày 24/3/2016.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần C4 về việc xử lý tài sản thế chấp là Phương tiện vận tải đường bộ: xe ô tô con màu vàng, hiệu CHEVROLET, số khung: RLLJF696EBH902020, số máy: F16D38758571, biển số 67A-002.28 thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Quang N2 và chị Phùng Thị Tuyết Thanh theo Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số LOX.BĐDN.71.170316 ngày 21/3/2016.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng THƯƠNG mại cổ phần C4 về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H thanh toán lãi phạt là 108.734.076 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H và Ngân hàng thương mại cổ phần C4 có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại những yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

[2] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện còn lại của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H đối với Tổng Công ty cổ phần M1 và Tổng Công ty bảo hiểm V.

[2.1] Buộc Tổng công ty cổ phần M1 phải có trách nhiệm bồi thường bảo hiểm cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H số tiền 13.828.075.108 đồng (tiền bồi thường bảo hiểm 10.244.030.355 đồng và lãi đến ngày 11/6/2020 là 3.584.044.753 đồng), trong đó, chuyển trả tiền bồi THƯỜNG bảo hiểm cho người thụ hưởng là Ngân hàng thương mại cổ phần C4 số tiền mà Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần C4 tính đến ngày 11/6/2020 là 8.750.464.688 đồng (vốn gốc 5.811.049.490 đồng, tiền lãi 2.939.415.199 đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 12/6/2020 đến khi chuyển trả nhưng không vượt quá khoản tiền mà Tổng công ty cổ phần M1 phải chi trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H (tiền lãi phát sinh được tính trên nợ vốn gốc, cụ thể: số tiền 3.464.000.000 đồng tính theo lãi suất được thỏa thuận trong khế ước nhận nợ số 231358889 ngày 25/01/2017 và hợp đồng cấp tín dụng số LOX.DN.730.240117 ngày 25/01/2017; số tiền 567.000.000 đồng tính theo lãi suất được thỏa thuận trong khế ước nhận nợ số 234993119 ngày 28/3/2017 và hợp đồng cấp tín dụng số LOX.DN.1728.170317 ngày 28/3/2017; số tiền 1.650.000.000 đồng tính theo lãi suất được thỏa thuận trong khế ước nhận nợ số 242792219 ngày 27/7/2017 và hợp đồng cấp tín dụng số LOX.DN.457.190717 ngày 21/7/2017; số tiền 130.049.490 đồng tính theo lãi suất được thỏa thuận trong khế ước nhận nợ số 242437649 ngày 21/7/2017 và hợp đồng cấp tín dụng số LOX.DN.457.190717 ngày 21/7/2017; các khế ước nhận nợ và hợp đồng cấp tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C4 với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2.2] Buộc Tổng công ty bảo hiểm V phải có trách nhiệm bồi THƯỜNG bảo hiểm cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H số tiền 10.256.593.892 đồng (tiền bồi THƯỜNG bảo hiểm 10.217.961.599 đồng và lãi đến ngày 11/6/2020 là 38.632.293 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của Ngân hàng THƯƠNG mại cổ phần C4 đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H.

Trường hợp Tổng công ty cổ phần M1 chi trả tiền bảo hiểm trong phạm vi trách nhiệm bảo hiểm cho người thụ hưởng là Ngân hàng thương mại cổ phần C4 nhưng không đủ số tiền 8.750.464.688 đồng (tính đến ngày 11/6/2020, trong đó: vốn gốc 5.811.049.490 đồng, tiền lãi 2.939.415.199 đồng) và lãi phát sinh tính trên nợ vốn gốc kể từ ngày 12/6/2020 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi Tổng công ty cổ phần M1 chuyển trả thì Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H còn phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C4 khoản nợ vốn gốc và lãi phát sinh còn lại, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số LOX.DN.730.240117 ngày 25/01/2017 và được giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 231358889 ngày 25/01/2017: vốn gốc 3.464.000.000 đồng, lãi trong hạn 462.118.950 đồng và lãi quá hạn là 903.520.893 đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng số LOX.DN.1728.170317 ngày 28/3/2017 và được giải ngân bằng khế ước nhận nợ số 234993119 ngày 28/3/2017: vốn gốc 567.000.000 đồng, lãi trong hạn 72.846.136 đồng và lãi quá hạn 145.865.637 đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng số LOX.DN.1233.250517 ngày 01/6/2017, Phụ lục hợp đồng số LOX.DN.1233.250517/PL-01 ngày 01/6/2017 và được giải ngân theo

khế ước nhận nợ số 239206819 ngày 01/6/2017: vốn gốc là 0 đồng, lãi trong hạn 20.041.095 đồng và lãi quá hạn 120.657.597 đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng số LOX.DN.457.190717 ngày 21/7/2017, Phụ lục hợp đồng số LOX.DN.457.190717/PL-01 ngày 21/7/2017 và Khế ước nhận nợ số 242437649 ngày 21/7/2017: vốn gốc 130.049.490 đồng, lãi trong hạn 66.630.137 đồng và lãi quá hạn 221.543.276 đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng số LOX.DN.457.190717 ngày 21/7/2017, Phụ lục hợp đồng số LOX.DN.457.190717/PL-01 ngày 21/7/2017 và Khế ước nhận nợ số 242792219 ngày 27/7/2017: vốn gốc 1.650.000.000 đồng, lãi trong hạn 57.546.575 đồng và lãi quá hạn 557.858.227 đồng.

- Hợp đồng cấp tín dụng số LOX.DN.457.190717 ngày 21/7/2017, Phụ lục hợp đồng số LOX.DN.457.190717/PL-01 ngày 21/7/2017 và Khế ước nhận nợ số 246701139 ngày 26/9/2017: vốn gốc là 0 đồng, lãi trong hạn 63.597.945 đồng và lãi quá hạn 247.188.730 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngân hàng thương mại cổ phần C4 có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H các tài sản đảm bảo khi Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H đã thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H không thanh toán nợ đúng hạn thì Ngân hàng thương mại cổ phần C4 có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: nhà làm việc 289,9m<sup>2</sup>; nhà xe 2 diện tích xây dựng 287m<sup>2</sup>; kho chứa vải vụn diện tích xây dựng 350m<sup>2</sup>; nhà đặt máy phát điện diện tích xây dựng 34,44m<sup>2</sup>; nhà vệ sinh (02 cái) diện tích xây dựng 28m<sup>2</sup>; bể nước phòng cháy chữa cháy diện tích xây dựng 90m<sup>2</sup>; bể nước sinh hoạt diện tích xây dựng 6m<sup>2</sup>; cổng, hàng rào tổng chiều dài 405,81m<sup>2</sup> và 01 xe ô tô con hiệu TOYOTA COROLLA G mang biển kiểm soát 67A-062.28 do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H đứng tên, số khung: RL4BU9HE9H7513253, số máy: 2ZR X608998. Theo các Hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số LOX.BĐDN.343.240117 ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C4 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H ngày 25/01/2017;

- Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số LOX.BĐDN.265.170317 ký giữa Ngân hàng THƯƠng mại cổ phần C4 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H ngày 22/3/2017

- Hợp đồng thế chấp bổ sung để đảm bảo nghĩa vụ vay vốn bổ sung số LOX.BĐDN.343.240117/TCBS-01 ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C4 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H ngày 31/5/2017;

- Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số LOX.BĐDN.346.270618 ngày 05/7/2018 ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C4 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H.

- Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số LOX.BĐDN.258.050718 ngày 17/7/2018 ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C4 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H, anh Nguyễn Quang N2, chị Phùng Thị Tuyết T9.

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai để vay vốn bổ sung số LOX.BĐDN.343.240117/TCBS-02 ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C4 và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H ngày 21/7/2017;

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần C4 thì Ngân hàng THƯƠng mại cổ phần C4 có quyền yêu cầu anh Nguyễn Quang N2, chị Phùng Thị Tuyết T9, ông Nguyễn Thanh N3 và bà Nguyễn Thị S1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H.

[4] Về chi phí tố tụng, án phí:

[4.1] Về chi phí tố tụng:

[4.1.1] Tổng Công ty cổ phần M1 và Tổng Công ty bảo hiểm V phải chịu chi phí giám định và do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H đã nộp xong tiền giám định 200.000.000 đồng theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001271 ngày 01/4/2020 của Công ty cổ phần giám định Đông Dương nên Tổng Công ty cổ phần M1 phải hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H số tiền là 100.120.000 đồng, Tổng Công ty bảo hiểm V phải hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H số tiền 99.880.000 đồng.

[4.1.2] Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng nhưng do Ngân hàng thương mại cổ phần

C4 đã nộp xong nên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H phải hoàn trả lại 600.000 đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần C4.

[4.2] Về án phí:

[4.2.1] Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H không phải chịu án phí kinh doanh THƯƠNG mại sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường bảo hiểm.

[4.2.2] Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm giá ngạch đối với nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần C4 là 116.827.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh THƯƠNG mại sơ thẩm mà Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H đã nộp đối với yêu cầu bồi thường bảo hiểm tổng cộng là 137.630.000 đồng, bao gồm: 67.610.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008187 ngày 27/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; 68.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002861 ngày 02/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; 1.260.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005118 ngày 10/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và 760.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005119 ngày 10/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và sau khi khấu trừ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H được nhận lại 20.803.000 đồng.

[4.2.3] Tổng Công ty cổ phần M1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm giá ngạch đối với nghĩa vụ thanh toán bảo hiểm là 121.828.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ vào 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004958 ngày 02/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (Tổng Công ty cổ phần M1 còn phải nộp 121.828.000 đồng tiền án phí kinh doanh THƯƠNG mại sơ thẩm).

[4.2.4] Tổng Công ty bảo hiểm V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm giá ngạch đối với nghĩa vụ thanh toán bảo hiểm là 118.256.000 đồng và không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ vào 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004969 ngày 03/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (Tổng Công ty bảo hiểm V còn phải nộp 116.256.000 đồng tiền án phí kinh doanh THƯƠNG mại sơ thẩm).

[4.2.5] Ngân hàng thương mại cổ phần C4 không phải chịu án phí kinh doanh THƯƠNG mại sơ thẩm và án phí phúc thẩm nên Ngân hàng thương mại cổ

phần C4 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 53.159.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014019 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và biên lai thu tiền số 0004962 ngày 03/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân cấp cao  
tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên;
- Chi cục thi hành án dân sự Tp. Long Xuyên;
- Đường sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng Tòa án tỉnh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phước Hưng**